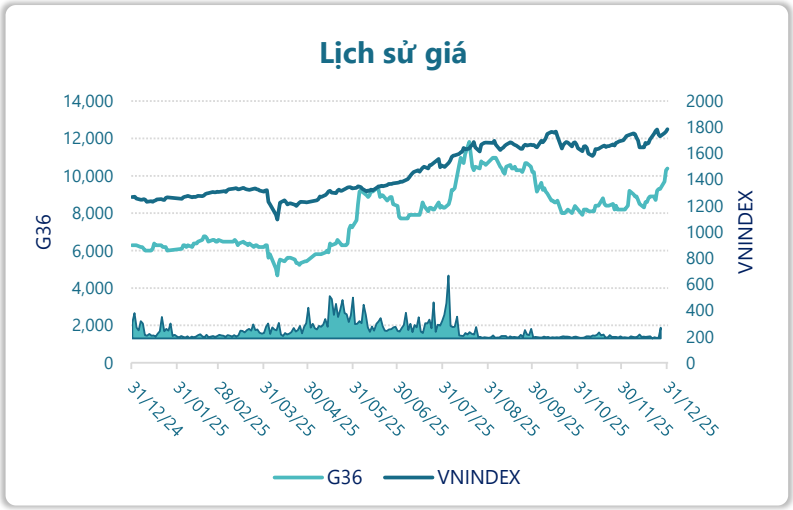
FireAnt

Tổng Công ty 36 - CTCP (UPCOM: G36)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,816
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,669
SL cổ phiếu LH	103,745,067
KLGD BQ 20 phiên (CP)	776,810
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,079
P/E	39.9
EPS	261

DT thuần

Q4/25

751

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 369| 96.7%

YoY: ▲ 191| 34.2%

LN sau thuế

Q4/25

-14.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼32.6| -182%

YoY: ▼5.77| -64.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.4%

+/- YoY: ▼ 1.1%

DT thuần

2025

1,949

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 492| 33.8%

LN sau thuế

2025

27.0

tỷ VNĐ

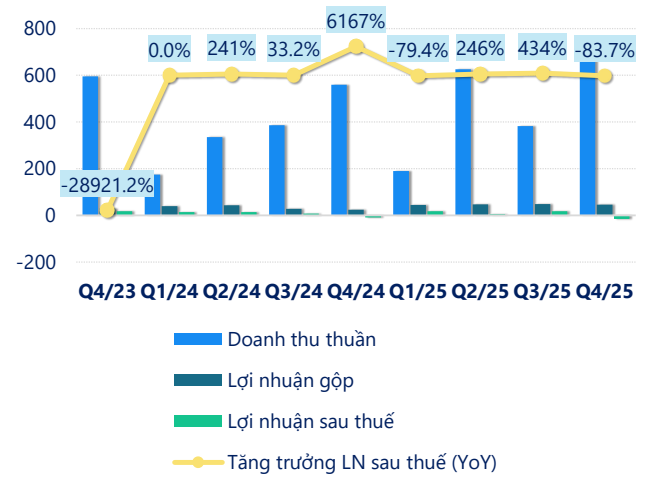
YoY: ▲ 0.30| 1.3%

ROE

2025

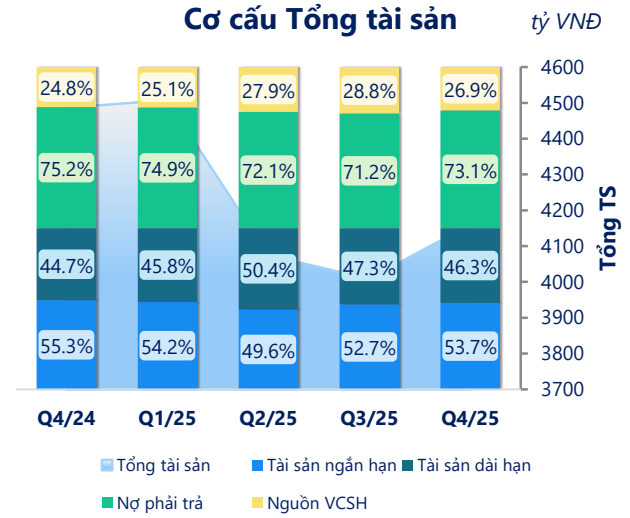
2.4%

Kết quả kinh doanh



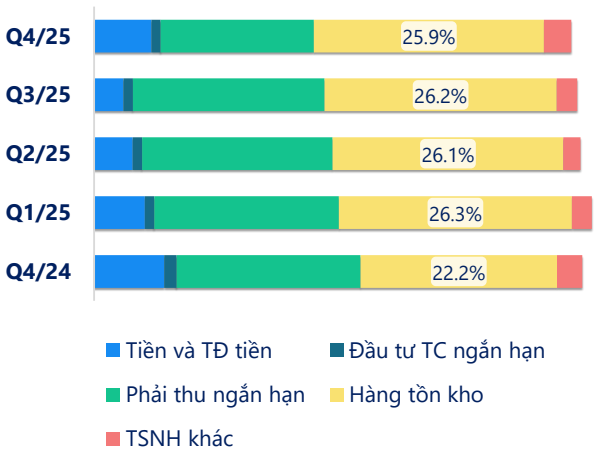
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



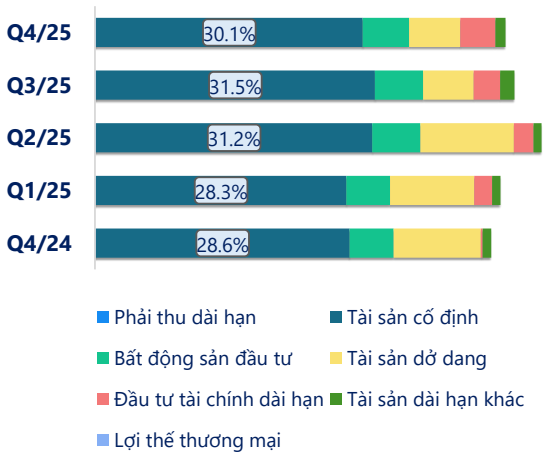
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



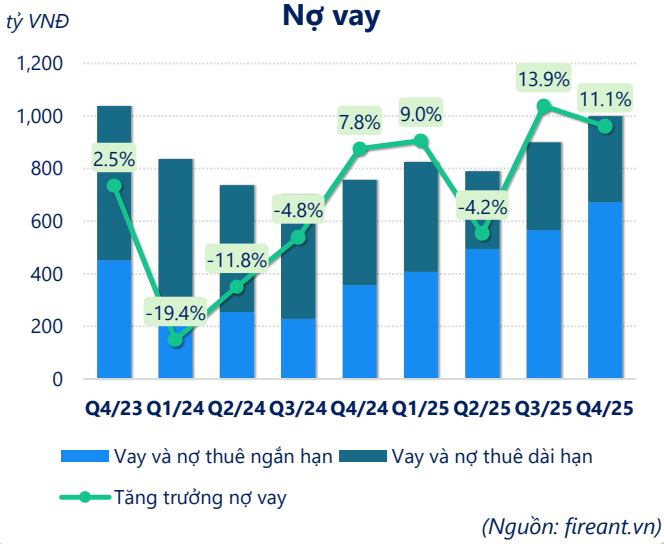
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



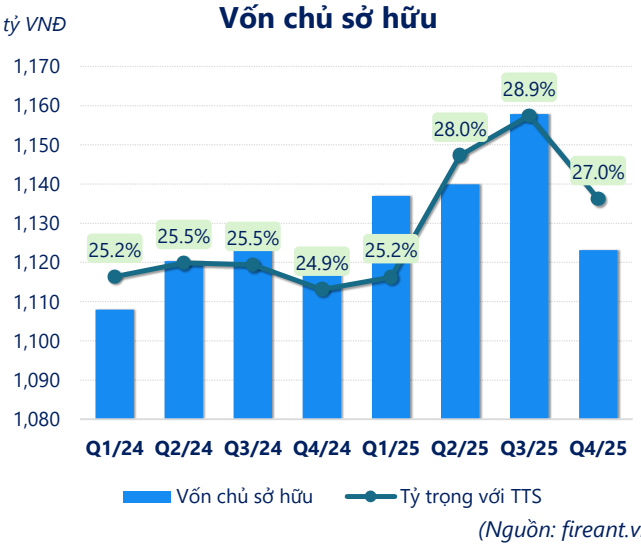
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



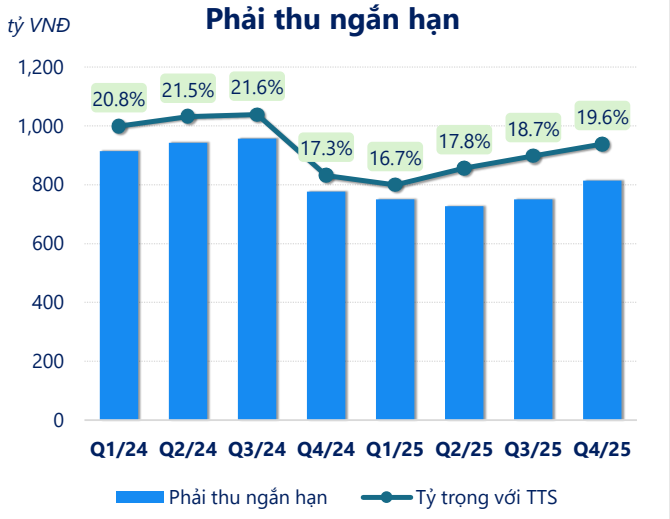
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



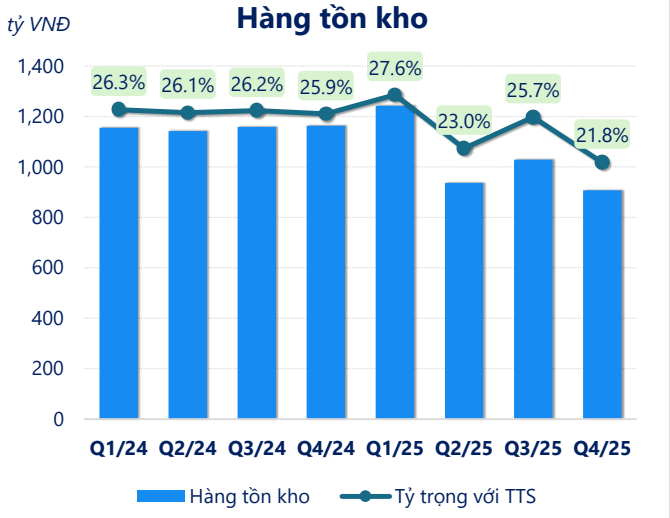
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



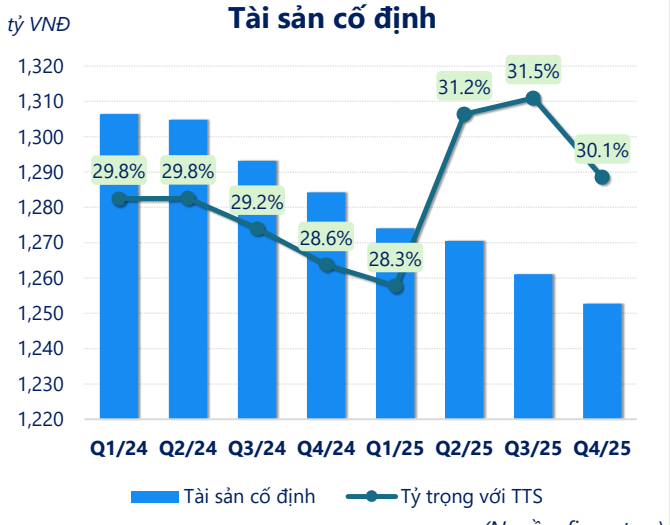
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



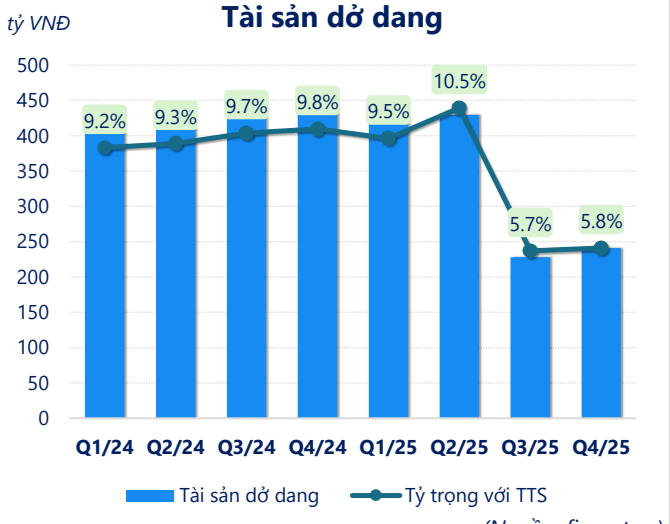
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



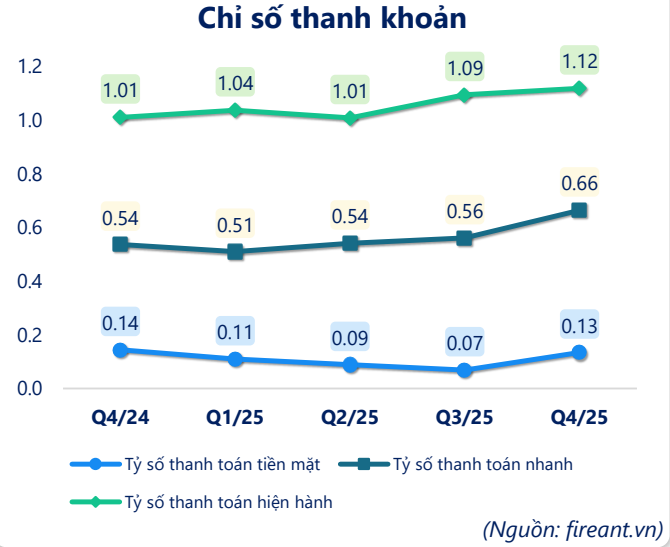
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



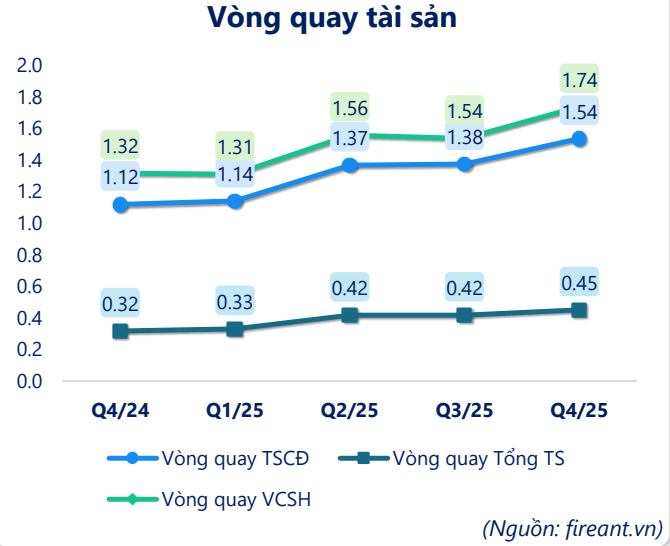
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**4,486**	**4,507**	**4,074**	**4,009**	**4,161**
Tài sản ngắn hạn	**2,481**	**2,445**	**2,021**	**2,111**	**2,233**
Tiền và tương đương tiền	354	258	177	132	268
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.2	97.2	97.2	97.2	98.4
Phải thu ngắn hạn	777	751	727	750	814
Hàng tồn kho	1,163	1,242	937	1,029	907
Tài sản ngắn hạn khác	139	96.3	82.6	102	145
Tài sản dài hạn	**2,006**	**2,063**	**2,053**	**1,898**	**1,928**
Phải thu dài hạn	4.39	4.49	4.49	4.49	4.49
Tài sản cố định	1,284	1,274	1,271	1,261	1,253
Bất động sản đầu tư	224	222	220	219	217
Tài sản dở dang	441	429	430	228	241
Đầu tư tài chính dài hạn	8.15	91.0	91.0	121	164
Tài sản dài hạn khác	43.8	42.4	37.1	64.4	48.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,373**	**3,375**	**2,939**	**2,855**	**3,041**
Nợ ngắn hạn	**2,455**	**2,357**	**2,004**	**1,929**	**1,996**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	356	407	494	566	673
Phải trả người bán ngắn hạn	600	459	417	413	504
Nợ dài hạn	918	1,018	935	926	1,045
Vay và nợ thuê dài hạn	401	418	296	334	327
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,113**	**1,133**	**1,136**	**1,154**	**1,120**
Vốn chủ sở hữu	**1,119**	**1,137**	**1,140**	**1,158**	**1,123**
Vốn điều lệ	1,037	1,037	1,037	1,037	1,037
Kinh phí và quỹ khác	-5.67	-4.31	-4.34	-4.20	-3.51

(Nguồn: fireant.vn)